TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/KDTM-ST
Ngày: 20 - 12 - 2018
V/v "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Quang Lương.

Bà: Nguyễn Thị Vòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Đồng Hới xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-KDTM ngày 31/10/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2018/QĐST-KDTM ngày 12/11/2018 và số 53/2018/QĐST-KDTM ngày 28/11/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 106/TB-TA ngày 10/12/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép N. Địa chỉ: Số x đường N, phường P, Quận S, TP. Đ. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Nguyễn Đan T - Tổng Giám đốc Công ty. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hoàng Quốc T- Phó Giám đốc Phòng T (Giấy uỷ quyền số 26/UQ-NL-XXV ngày 16/10/2018 của Tổng giám đốc). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần C. Địa chỉ: Số y đường H, phường N, TP. Đ, Quảng Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Ngọc T - Giám đốc Công ty. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Chí S - Trưởng phòng K (Giấy uỷ quyền ngày 04/9/2018 của Giám đốc). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy của Nguyên đơn – Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép N trình bày:

Ngày 01/11/2017, Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thép N (sau đây gọi tắt là Công ty N) và Công ty Cổ phần C (gọi tắt Công ty C) đã ký kết với nhau Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thép số 123/HĐNT/CTY792-NL. Theo hợp đồng, Công ty N (bên bán) cung cấp cho Công ty C (bên mua) các mặt hàng thép với các chủng loại, số lượng theo yêu cầu của bên mua nhiều lần. Căn cứ hợp đồng

và báo giá ngày 19/01/2018, Công ty N đã giao hàng cho Công ty C và đã xuất hóa đơn số 0001295 ngày 21/01/2018. Hai bên đã ký xác nhận biên bản giao nhận hàng hóa và chứng từ liên quan đến hàng hóa. Theo Điều 3 hợp đồng Thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng. Nếu quá thời hạn thanh toán trên (tức là từ ngày thứ 31) bên mua Công ty C phải chịu thanh toán lãi chậm trả cho số dư nợ còn lại theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán...Quá trình thực hiện hợp đồng bên Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán chậm thanh toán tiền hàng hóa đã mua nên Công ty N đã tính lãi chi tiết đối với từng đơn hàng cụ thể.

Ngày 18/5/2018, đại diện của hai bên đã tiến hành lập biên bản đối chiếu công nợ từ ngày 03/11/2017 đến ngày 18/5/2018 đã cùng xác nhận Công ty CP C còn phải thanh toán tiền hàng cho Công ty N số tiền mua hàng hóa là 484.506.079 đồng, Công ty C phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả là 15.719.676 đồng; tổng cộng 500.225.755 đồng.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đến nay Công ty C vẫn nợ số tiền mua bán hàng hóa là 484.506.079 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh đến ngày 20/12/2018 là 40.698.656 đồng (trong đó có 7.967.579 đồng là tiền lãi phát sinh của các đơn hàng năm 2017 và 32.731.077 là tiền lãi). Tổng cộng: 525.204.735 đồng và tiếp tục chịu lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán kể từ ngày kế tiếp ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ. Công ty N yêu cầu Công ty C thanh toán hết nợ chia làm 2 đợt trong thời hạn từ nay đến ngày 31/12/2018 trả 262.000.000 đồng và đến ngày 31/01/2019 trả số nợ còn lại 263.204.735 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 20/12/2018 cho đến thời điểm trả hết nợ gốc. Hoặc phương án khác trong thời hạn từ nay đến ngày 31/12/2018 trả 175.000.000 đồng, trong tháng 01/2019 trả 175.000.000 đồng, Đến 28/02 trả 175.204.735 đồng cùng tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2018 cho đến thời điểm trả hết nợ gốc.

* Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Công ty Cổ phần C (gọi tắt là Công ty C) ông Lê Chí S trình bày:

Công ty Cổ phần C là nhà thầu phụ cho Công ty T xây dựng công trình Cầu vượt dân sinh và tường chắn, thuộc dự án khu biệt thự đồi T, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình thực hiện dự án, ngày 01/11/2017 Công ty Cổ phần C đã ký kết hợp đồng nguyên tắc số 123/HĐNT/CT792-NL về việc mua bán thép với Công ty N để phục vụ thi công công trình với nội dung như nguyên đơn đã trình bày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thanh toán dứt điểm nhiều đơn hàng với nhau. Riêng đơn hàng ngày 21/01/2018, Công ty C đã thi công xong khối lượng xây lắp theo hợp đồng với Công ty T, nhưng Công ty T chưa thanh toán cho Công ty C (còn nợ 7.114.291.944 đồng); mặt khác, có sự thay đổi công tác tổ chức của Công ty C nên chưa có nguồn tiền để thanh toán cho Công ty N.

Đến ngày 30/6/2018, Công ty Cổ phần C còn nợ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép N số tiền 504.855.480 đồng, trong đó: Nợ gốc 484.506.079 đồng;

nợ tiền lãi phát sinh 20.349.401 đồng. Công ty 792 nhất trí với việc tính lãi của Công ty N.

Sau khi nguyên đơn khởi kiện, Công ty C đã có văn bản số 226/CV ngày 27/8/2018 của Giám đốc Công ty nêu ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị tòa án và Công ty N xem xét giải quyết, trong điều kiện khó khăn này yêu cầu Công ty Thép N cho Công ty C thanh toán thành nhiều đợt, mỗi tháng Công ty C xin trả cho Công ty N số tiền 20.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối cùng mỗi tháng; số tiền dư nợ còn lại Công ty 792 chấp nhận trả lãi sẽ trả theo mức lãi suất của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Khi Công ty C thu hồi được nợ sẽ thanh toán hết cả gốc và lãi cho Công ty N. Đến nay ngày 20/12/2018 Công ty N đã tính lãi theo Bảng kê cung cấp cho Tòa án, Công ty C chấp nhận tiền mua bán hàng hóa còn chưa thanh toán là 484.506.079 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh đến ngày 20/12/2018 là 40.698.656 đồng (trong đó có 7.967.579 đồng là tiền lãi phát sinh của các đơn hàng phát sinh nghĩa vụ thanh toán trong năm 2017 và 32.731.077 là tiền lãi phát sinh năm 2018).

Tại phiên tòa, Bị đơn Công ty C giữ nguyên ý kiến đề nghị trên đây của Giám đốc Công ty, hai bên không thỏa thuận được với nhau; Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thép N yêu cầu tòa án buộc Công ty Cổ phần C trả nợ tiền mua hàng và tiền lãi phát sinh, không chấp nhận cho Công ty C trả dần 20.000.000 đồng/tháng. Công ty N đã cho Công ty C hai phương án lộ trình trả nợ nhưng Công ty C không thỏa thuận, Công ty N sẽ yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự. Hai bên thỏa thuận bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán đối với tiền mua bán hàng hóa còn chậm trả kể từ ngày 21/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán hàng hoá "Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận" quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại thành phố Đ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2.] Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ và tiền lãi trong thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 319 Luật Thương mại năm 2005.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán thép số 123/HĐNT/CT792-NL ngày 01/11/2017 ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng do người đại diện theo pháp luật của hai bên ký kết; về hình, thức, nội dung hợp đồng tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005. Các bên đều có đăng ký kinh doanh phù hợp, mặt hàng kinh doanh không bị cấm.

[2.1] Về tiền mua bán hàng hóa: Theo Hợp đồng, Công ty N (Bên Bán) đã cung cấp các chủng loại thép theo từng đơn đặt hàng của Công ty C (Bên Mua). Việc giao nhận hàng, xuất hóa đơn chứng từ, số lượng, chất lượng và giá cả hàng hóa, hai bên không có tranh chấp. Công nợ đã được hai bên đối chiếu xác nhận với nhau. Tuy nhiên, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến nay Công ty C thừa nhận chưa thanh toán số tiền 484.506.079 đồng mua hàng hóa.

[2.2] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận hàng, nếu để quá thời hạn này (tức là từ ngày thứ 31) bên mua Công ty C phải chịu thanh toán lãi chậm trả cho số dư nợ còn lại theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán... Nguyên đơn tính tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 20/02/2018 theo mức lãi suất 8%/năm, số tiền hàng hóa còn phải trả là 484.506.079 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh đến xét xử sơ thẩm ngày 20/12/2018 là 40.698.656 đồng (trong đó có 7.967.579 đồng là tiền lãi phát sinh của các đơn hàng phát sinh nghĩa vụ trả tiền trong năm 2017 và 32.731.077 là tiền lãi các đơn hàng phát sinh nghĩa vụ trả tiền năm 2018). Tổng cộng: 525.204.735 đồng, bị đơn thừa nhận không phản đối. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận không trái với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Việc nguyên đơn đòi tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thanh toán cho đến nay là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 4, 24, 50, Điều 306 Luật Thương mại 2005, Điều 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty Cổ phần C phải trả cho Công ty N số tiền mua bán hàng hóa là 484.506.079 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh đến ngày 20/12/2018 là 40.698.656 đồng. Tổng cộng: 525.204.735 đồng.

Hai bên thỏa thuận bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán đối với tiền mua bán hàng hóa kể từ ngày 21/12/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. (20.000.000 đồng + 4% x 125.204.735 đồng) = 25.008.189 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Áp dụng các Điều 4, 24, 50, 317, 319, 306 của Luật Thương mại 2005; các Điều 429, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần C phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép N số tiền mua bán hàng hóa là 484.506.079 đồng; tiền lãi do chậm thanh toán phát sinh đến ngày 20/12/2018 là 40.698.656 đồng. Tổng cộng: 525.204.735 đồng.

Chấp nhận thỏa thuận của hai bên đương sự: Công ty Cổ phần công trình C tiếp tục chịu trả tiền lãi theo mức lãi suất cho vay của Ngân hàng Eximbank - Chi nhánh Đà Nẵng đối với số tiền nợ gốc còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thanh toán kể từ ngày 21/12/2018 cho đến khi trả hết nợ tiền mua bán hàng hóa.

2. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Công trình C phải chịu 25.008.189 đồng án phí kinh doanh thương mại để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thép N số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số AA/2017/ 0000487 ngày 15/8/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hồng Sơn

-